

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ SÊ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 8 - 2019

V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi
con chung khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Đức Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nay H'Chiêm.

2. Ông Rmah Bâu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Hương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đậu Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXX-ST ngày 26 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 19xx; Địa chỉ: Thôn T, xã , huyện C, tỉnh Gia Lai (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 19xx; Thôn T, xã A, huyện C, tỉnh Gia Lai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 3 năm 2019, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại tòa án và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau 02 tháng tìm hiểu thì chị và anh Nguyễn Văn L được sự đồng ý của hai bên gia đình đã tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 28/12/2000 tại Ủy ban nhân dân xã A. Trong thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do vợ chồng tìm hiểu nhau chưa kỹ, không hiểu rõ về tính tình của nhau, vợ chồng thường cãi vã khi sống chung, không còn tin tưởng lẫn nhau, không khí trong gia đình nặng nề có đôi khi vợ chồng xảy ra xô xát, tình cảm giữa chị và anh L không còn. Chị và anh L đã không còn sống chung với nhau từ tháng 5 năm 2018 cho đến nay, chị đã suy

nghĩ kỹ và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn L để mỗi người có cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh Nguyễn Văn L có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn P, sinh ngày 11/09/2001 và Nguyễn Minh V, sinh ngày 19/4/2009. Chị yêu cầu được nuôi cả 02 cháu P và V nhưng nay vì lý do cháu P gần đủ 18 tuổi và tự làm nuôi được bản thân nên chị không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con còn đối với cháu V thì chị yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Về tài sản chung và về nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

Anh đồng ý với ý kiến của chị Nguyễn Thị L về thời gian tìm hiểu và đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống, anh thừa nhận trong cuộc sống hàng ngày anh có mắc phải những sai lầm nhưng anh mong chị L suy nghĩ kỹ và bỏ qua cho anh để vợ chồng quay về đoàn tụ. Anh hứa sẽ cố gắng thay đổi. Anh không đồng ý ly hôn. Vì không đồng ý ly hôn nên không đồng ý yêu cầu giải quyết về con chung, về tài sản và về vay nợ.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Chư Sê phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của đương sự của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có sai phạm gì. Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn L vắng mặt không có lý do mặc dù đã được cán bộ Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để tham gia phiên tòa thể hiện thái độ không hợp tác, không tôn trọng pháp luật.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 36, 39, khoản 4 Điều 147 và 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn L; Về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Văn P, sinh ngày 11/09/2001 và Nguyễn Minh V, sinh ngày 19/4/2009 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Buộc anh L cấp dưỡng tiền nuôi cháu V mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi cháu V thành niên hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Về phân tài sản chung và nợ chung: Miễn xét; Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 19 tháng 4 năm 2019, chị Nguyễn Thị L nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn với anh Nguyễn Văn L. Cùng với đơn khởi kiện chị Liên đã nộp kèm các tài liệu chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, hợp pháp. Xét hình thức, nội dung đơn khởi kiện của chị L đầy đủ; Chị L và anh L đều cư trú tại Thôn T, xã A, huyện C, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 02 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ 02 không vì trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng. Do đó Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn L là đúng theo quy định của Pháp luật.

[2] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn L có đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 12 năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Gia Lai, trên cơ sở tự nguyện không ai cưỡng ép hay ép buộc, cho nên Hội đồng xét xử xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

Chị L cho rằng vợ chồng sống chung không hạnh phúc, nguyên nhân do vợ chồng tìm hiểu nhau chưa kỹ, không hiểu rõ về tính tình của nhau, vợ chồng thường cãi vã khi sống chung, không còn tin tưởng lẫn nhau, không khí trong gia đình nặng nề có đôi khi vợ chồng xảy ra xô xát, tình cảm giữa chị và anh L không còn. Chị và anh L đã không còn sống chung với nhau từ tháng 5 năm 2018 cho đến nay, nay chị đã suy nghĩ kỹ và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn L để mỗi người có cuộc sống riêng. Đồng thời bị đơn anh Nguyễn Văn L cũng thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và trong cuộc sống hàng ngày anh có mắc phải những sai lầm nhưng anh mong chị L suy nghĩ kỹ và bỏ qua cho anh để vợ chồng quay về đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh Lưu và chị L là có thật đều được anh chị thừa nhận, mặc dù anh L có mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng có thái độ bỏ mặc, không quan tâm cũng như không có biểu hiện gì để chị L thay đổi ý kiến vợ chồng về chung sống với nhau đồng thời tại phiên tòa hôm nay anh L vắng mặt và chị L giữ nguyên ý kiến xin ly hôn, chị L cho rằng tình cảm đối với anh L không còn, chị và anh L đã không sống chung với nhau từ tháng 5 năm 2018 cho đến nay. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị L ly hôn với anh Nguyễn Văn L là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con Chung:

Trong thời gian chung sống chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn L có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn P, sinh ngày 11/09/2001 và Nguyễn Minh V,

sinh ngày 19/4/2009. Chị L có nguyện vọng nuôi cả 02 cháu P và V. Còn anh L không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu về con chung. Đồng thời cả hai cháu P và V có lời khai tại Tòa án thể hiện có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy để tạo môi trường sống ổn định cho các cháu P và V, cần giao 02 cháu Nguyễn Văn P, sinh ngày 11/09/2001 và Nguyễn Minh V, sinh ngày 19/4/2009 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình là phù hợp với nguyện vọng của các con và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con:

Chị L cho rằng cháu Phong còn một tháng nữa là thành niên nhưng hiện tại cháu P có thể tự lao động và sống cùng với chị nên chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi cháu P. Chị L yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi cháu Nguyễn Minh V, sinh ngày 19/4/2009 mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi cháu V thành niên hoặc đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Còn anh L không có ý kiến gì về cấp dưỡng nuôi con.

Do chị L không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con đối với cháu P nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi cháu V của chị L. Hội đồng xét xử thấy rằng để đảm bảo cuộc sống của cháu V tốt hơn đồng thời gắn trách nhiệm của người cha đối với con cái, cần chấp nhận yêu cầu của chị L, buộc anh L phải cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên có khả năng lao động hoặc đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình là phù hợp với điều kiện của anh L và đảm bảo điều kiện sinh hoạt của cháu V, phù hợp với quy định tại Điều 107, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị L được nhận số tiền này để nuôi con.

[5] Về phần tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét;

[6] Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 36, 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 và 266 Bộ Luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung và về cấp dưỡng:

Giao 02 cháu Nguyễn Văn P, sinh ngày 11/09/2001 và Nguyễn Minh V, sinh ngày 19/4/2009 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Buộc anh Nguyễn Văn L phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Minh V, sinh ngày 19/4/2009 mỗi tháng 1.000.000đồng (một triệu đồng) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên có khả năng lao động hoặc đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007847 ngày 22/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con để sung vào công quỹ Nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/8/2019), Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7b và 9

Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê;
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Ủy ban nhân dân xã A;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Sê;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vương Đức Phụng